

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 18/02/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – TP CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**;
2. Ông **Dương Minh Dũng**;

Thư ký phiên toà: Ông **Huỳnh Minh Đức** - Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST–HNST ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc “***Tranh chấp ly hôn***”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐST-HN ngày 03/02/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Tiểu M**, sinh năm 1988.

ĐKTT: Lô 30/31 đường N, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

*** Bị đơn:** Ông **Tăng Chí T**, sinh năm 1986.

ĐKTT: Lô 30/31 đường N, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn – Bà M trình bày:

Bà và ông T qua quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 01/02/2012. Đời sống hôn nhân có thời gian đầu rất hạnh phúc, tuy nhiên sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông T có tính hay ghen, hay nghi ngờ bà có mối quan hệ với người khác, đồng thời thường xuyên có những hành động kiểm tra tin nhắn, kiểm tra điện thoại của bà, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên bất hòa, cãi vã,

không tìm được tiếng nói chung. Bà đã nhiều lần giải thích để ông T hiểu và khắc phục nhưng vẫn không có kết quả. Nhận thấy cuộc hôn nhân với ông T ngày càng trầm trọng nên từ tháng 11/2019 bà đã rời khỏi nhà ông T, về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay. Nay xét thấy không thể hàn gắn tình cảm với ông T nên bà có đơn xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Tăng Tuyết N (nữ), sinh ngày 23/6/2012. Cháu N hiện do bà đang nuôi dưỡng, sau khi ly hôn, bà xin được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn – Ông Tăng Chí T trình bày: Ông thống nhất với ý kiến của bà M về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống. Ông thừa nhận ông có nhiều lần ghen tuông, nghi ngờ bà M, tuy nhiên chưa có hành động nào quá đáng với bà. Hơn nữa, do bà M không tạo được lòng tin đối với ông, gần đây tính tình lại thay đổi, ít quan tâm đến ông, đồng thời chung diện hơn trước nên ông mới nghi ngờ. Tuy nhiên, ông vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung, ông T cho rằng khi bà M bỏ về nhà mẹ ruột ở Cà Mau đã dẫn theo cháu N, không nói gì với ông và gia đình. Nay nếu phải giải quyết việc ly hôn giữa vợ chồng, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N, không yêu cầu bà M cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Xác định không có.

Tại phiên toà :

Bà M vẫn cương quyết giữ yêu cầu được ly hôn với ông T, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Phía ông T không đồng ý ly hôn, theo ông mâu thuẫn vợ chồng xuất phát do bà M không tạo được lòng tin cho ông. Nay nếu bà M vẫn cương quyết xin ly hôn thì ông chấp nhận, tuy nhiên yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung các bên xác định không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà M và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ. Ông T có địa chỉ cư trú tại quận N nên thẩm quyền giải

quyết vụ tranh chấp này là của Toà án nhân dân quận N, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quá trình hôn nhân qua trình bày của các bên cho thấy vợ chồng ông bà có sự bất đồng về quan điểm sống, ông T do không tin tưởng vợ, hay nghi ngờ, nên thường xuyên có hành động kiểm tra tin nhắn, kiểm tra điện thoại của bà M, nên dẫn đến mâu thuẫn, cãi vã và mất lòng tin lẫn nhau. Cả hai thừa nhận rằng, vợ chồng đã nhiều lần bàn bạc, tìm giải pháp để giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã dành rất nhiều thời gian để động viên, phân tích đối với cả hai bên, nhưng phía bà M vẫn cương quyết giữ yêu cầu xin được ly hôn. Hiện bà M đã rời khỏi nhà ông T, về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng ly thân từ tháng 11/2019 đến nay và không có biện pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy hôn nhân của ông bà đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M đối với ông T, để cả hai có cuộc sống riêng là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Cháu Tăng Tuyết N, sinh năm 2012 hiện do bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Cả hai bên đều có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu người kia cấp dưỡng. Tuy nhiên, nguyện vọng của cháu N là được sống với mẹ, do vậy không có cơ sở để đáp ứng nguyện vọng được nuôi con của ông T.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà M không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông bà xác định không có nên không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà M phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Nguyễn Thị Tiểu M** đối với ông **Tăng Chí T.**

2/ *Về con chung*: Giao cháu Tăng Tuyết N, sinh năm 2012 cho bà Nguyễn Thị Tiểu M trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà M không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T theo luật định, không ai có quyền ngăn cản.

3/ *Tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét.

4/ *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà M phải chịu 300.000đồng chuyển tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 002097 ngày 09/12/2019 thành án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận NK;
- VKSND TPCT;
- TAND TPCT;
- THA;
- UBND xã T
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

ĐẶNG THỊ HUỆ

